

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN S
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/HS-ST
Ngày 08-9-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Mến.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đinh Xuân Đàm.

2. Bà Nguyễn Thị Nguyệt.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Nhị - Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên tòa: Đinh Thị Hương - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 08 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện S xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 11/2023/TLST-HS ngày 18 tháng 8 năm 2023, quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐXXST-HS ngày 25/8/2023, đối với bị cáo:

Đinh Văn Th1 (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 23/3/1999 tại tỉnh Quảng Ngãi. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Nghề nghiệp: Nông; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Ca dong; Giới tính: Nam; Tôn Giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12. Con ông Đinh Văn L, sinh năm 1974 và bà Đinh Thị H1, sinh năm 1977. Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ từ 20 giờ 15 phút ngày 26/02/2023 đến 17 giờ 10 phút ngày 07/3/2023 có lệnh tạm giam, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện S. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Bùi Thị Thuyết Anh - Là Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

Bị hại:

1. Ông Đinh Văn Th2, sinh năm 1999.

Nơi cư trú: Thôn D, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ông Đinh Văn Tr, sinh năm 1974.

Nơi cư trú: Thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Ông Đinh Văn Nh, sinh năm 1999.

Nơi cư trú: Tổ dân phố N, thị trấn D, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. NLQ1, sinh năm 2003.

Nơi cư trú: Thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

2. NLQ2, sinh năm 1987.

Nơi cư trú: Tổ dân phố H, thị trấn D, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

3. NLQ3, sinh năm 1983.

Nơi cư trú: Thôn B, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

Người phiên dịch: Bà Đinh Thị H2 - Cán bộ hưu trí thị trấn D. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2022, Đinh Văn Th1 thuê phòng ở trọ gần khu công nghiệp Visip thuộc xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi để đi làm công nhân tại khu Công nghiệp này. Vì không có tiền tiêu xài nên ngày 10/10/2022 Th1 đã vay của một người đàn ông tên S (Th1 gặp S tại quán cà phê tại khu công nghiệp, không xác định được nhân thân lai lịch, địa chỉ cụ thể) số tiền 25.000.000đồng trong thời gian hai tháng, với lãi suất là 600.000đồng/01 tháng. Sau đó, nhiều lần Th1 mang số tiền trả nợ gốc và lãi cho S nhưng S nói vẫn chưa trả đủ; S nhiều lần điện thoại cho Th1 bằng nhiều số thuê bao khác nhau (Th1 không nhớ những số thuê bao điện thoại này) để đòi nợ, đe dọa; do không có tiền để trả nợ theo yêu cầu của S nên Th1 nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản (xe mô tô) của người khác để bán lấy tiền trả nợ. Để thực hiện ý định Th1 đã nhiều lần dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 11 giờ ngày 25/02/2023, Th1 đến thuê phòng nghỉ tại nhà nghỉ Th (ở tổ dân phố G, thị trấn Di, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi), Th1 sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A11, có số thuê bao 0867.442.490 của Th1 gọi cho Đinh Văn Th2 (là bạn của Th1) nói dối với Th2 là xe của Th1 bị hư đang sửa ở thị trấn D, huyện S nhưng không có tiền lấy nên hỏi Th2 mượn xe để đi đến thị trấn M, huyện K, tỉnh Kon Tum lấy tiền trả tiền sửa xe. Là bạn bè với nhau nên Th2 tin tưởng, không nghi ngờ gì mà đồng ý cho Th1 mượn xe để đi lấy tiền trả tiền xe. Th2 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exciter, màu sơn Xám xanh bạc đen, biển kiểm soát 76M1-240.07 đến nhà nghỉ Th gặp Th1. Tại đây, Th1 bảo Th2 đưa thêm giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô và giấy chứng minh nhân dân của Th2 để mang theo vì đi xa sợ Cảnh sát giao thông kiểm tra giữ xe. Nghe Th1 nói vậy, Th2 đưa giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô và giấy chứng minh nhân dân của mình cho Th1 mang đi, còn Th2 ở tại nhà nghỉ Th đợi Th1 mang xe về trả. Tuy nói với Th2 là đi lấy tiền nhưng mục đích của Th1 là đi đến gặp A H (bạn của Th1) ở thị trấn M, huyện K, tỉnh Kon Tum để trả số tiền nợ 2.000.000đồng cho A H do Th1 đã mượn trước đó rồi về lại thị trấn D để cầm cố chiếc xe của Th2 lấy tiền trả nợ cho S.

Trên đường đi thì A H hẹn gặp Th1 tại xã S, huyện S1 để lấy tiền. Sau khi trả tiền cho A H xong, Th1 điều khiển xe đi về đến cửa hàng bán giày dép Đ (ở thị trấn D) gặp hỏi NLQ2 (là chủ cửa hàng) để cầm cố chiếc xe biển kiểm soát 76M1-240.07; lúc này NLQ2 nói với Th1 “*chị không có làm dịch vụ cầm cố tài sản*” Th1 nói “*em cần tiền để gửi cho em đang học ở Thành phố Hồ Chí Minh*”; nghe vậy, NLQ2 nói với Th1 “*nếu vậy chị cầm giúp em rồi mấy ngày sau em có tiền đến lấy lại xe thì chị cho lấy xe rồi đưa cho chị vài chục ngàn*”. Th1 đồng ý, NLQ2 bảo Th1 đưa giấy tờ có liên quan đến chiếc xe để kiểm tra thì Th1 đưa Giấy đăng ký xe mô tô, chứng minh nhân dân của Đinh Văn Th2, NLQ2 kiểm tra, đối chiếu Giấy đăng ký xe mô tô trùng với biển số xe, chứng minh nhân dân trùng với tên Đinh Văn Th2 nên NLQ2 đồng ý; Th1 viết giấy bán xe (nhưng với mục đích giao xe cho NLQ2 cầm giúp, ký tên người bán là Đinh Văn Th2) cho NLQ2 với số tiền 10.000.000đồng và yêu cầu NLQ2 chuyển tiền qua tài khoản của Th1 số 040097490701, Ngân hàng Sacombank mang tên Đinh Văn Th1; NLQ2 thấy tên tài khoản Đinh Văn Th1 nên hỏi thì Th1 nói dối “*tài khoản trên là của em Th1 đang học ở Thành phố Hồ Chí Minh, giờ chuyển tiền để nộp học cho em*”, NLQ2 không nghi ngờ gì và đã chuyển số tiền 10.000.000đồng vào số tài khoản trên.

Lần thứ hai: Khoảng 14 giờ cùng ngày, Th1 tiếp tục sử dụng điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy A11, số thuê bao 0867.442.490 gọi điện cho NLQ1 (là bạn của Th1) nói dối với NLQ1 là xe của Th1 bị hư đang sửa rồi hỏi mượn xe của NLQ1 để làm phương tiện đi lại; NLQ1 nghe vậy tưởng Th1 nói thật nên lấy xe mô tô nhãn hiệu: Yamaha, loại xe: Sirius, màu sơn: Đen Xám, biển kiểm soát 76M1-172.96 của ông Đinh Văn Tr (*ba vợ* NLQ1) đi đến thị trấn D, huyện S đưa xe cho Th1 mượn; Th1 bảo NLQ1 đưa Giấy đăng ký xe mô tô trên, NLQ1 nói giấy đăng ký xe mô tô do ông Tr đang giữ ở nhà, nên Th1 bảo NLQ1 chở Th1 về nhà gặp ông Tr để lấy giấy đăng ký xe; sau khi lấy giấy đăng ký xe mô tô và chụp ảnh chứng minh nhân dân của ông Tr, Th1 điều khiển xe này tiếp tục đến cửa hàng mua bán giày dép Đ và nói với NLQ2 là “*số tiền cầm xe lúc sáng không đủ để cho em đóng tiền học nên muốn bán xe*” và bán xe mô tô biển kiểm soát 76M1-172.96 (xe của ông Tr) với số tiền 7.000.000 đồng (*Bảy triệu đồng*), nghe vậy NLQ2 đối chiếu kiểm tra thấy Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô trùng với biển số xe, ảnh chụp chứng minh nhân dân trùng với tên Đinh Văn Tr, nên NLQ1 đồng ý; Th1 viết giấy bán xe (ký tên người bán là Đinh Văn Th2), rồi NLQ1 chuyển số tiền 6.000.000 đồng qua số tài khoản 040097490701 của Th1 và đưa cho Th1 số tiền mặt là 1.000.000 đồng.

Lần thứ ba: Khoảng 17 giờ cùng ngày, với thủ đoạn như trên, Th1 tiếp tục sử dụng điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy A11, số thuê bao 0867.442.490 gọi điện cho Đinh Văn Nh nói dối là Th1 đang sửa xe máy ở thị trấn D nhưng không có tiền lấy, nên hỏi mượn xe máy của Nh đi về nhà lấy tiền ở xã S, huyện S để xuống trả tiền sửa xe rồi sẽ trả lại xe cho Nh. Nghe Th1 nói vậy nên Nh tin tưởng đưa xe mô tô nhãn hiệu: Honda, loại xe: Wave, màu sơn: Xám Đen, biển kiểm soát 76M1-268.94, Giấy đăng ký xe và chứng minh nhân dân của Nh cho Th1. Sau đó, Th1 điều khiển xe mô tô của Nh đến tiệm sửa xe máy của NLQ3 gặp NLQ1 và nói dối “*đang cần tiền gấp*

nên muốn bán xe” là xe mô tô biển kiểm soát 76M1-268.94 (xe của Nh); nghe vậy NLQ3 đối chiếu kiểm tra thấy Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô trùng với biển số xe, chứng minh nhân dân trùng với tên Đinh Văn Nh, nên NLQ1 đồng ý và đưa cho Th1 số tiền 7.000.000đồng.

Đến sáng ngày 26/02/2023, Th1 đi nhờ xe xuống lại thị trấn D, huyện S, đến cửa hàng bán giày dép Đ gặp NLQ2 nói muốn bán chiếc xe biển kiểm soát 76M1-240.07 (xe của Th2) mà Th1 đã cầm cố trước đó với giá 20.000.000đồng; NLQ2 đồng ý mua, nên Th1 yêu cầu NLQ2 chuyển số tiền 10.000.000đồng còn lại qua tài khoản của Th1 (tài khoản số 040097490701). Có tiền Th1 đi đến công viên thị trấn D, huyện S đón xe buýt đi về nhà ở thôn Đ, xã S, huyện S.

Đối với Đinh Văn Th2: Th2 ở nhà nghỉ Th chờ Th1, đến khoảng 12 giờ ngày 26/02/2023, không thấy Th1 mang xe về trả nên Th2 đã nhờ bạn đến đón chờ về nhà; khi Th2 đi ngang qua cửa hàng bán giày dép Đ thì nhìn thấy chiếc xe mô tô biển kiểm soát 76M1-240.07 của mình đang dựng trước cửa hàng, nên đi vào cửa hàng để hỏi thì được NLQ2 cho biết chiếc xe biển kiểm soát 76M1-240.07 đã được một người thanh niên tên Đinh Văn Th2 mang đến bán với giá 20.000.000đồng. Nghe vậy, Th2 lấy căn cước công dân của mình ra đưa cho NLQ2 xem và nói cho NLQ2 biết chiếc xe biển kiểm soát 76M1-240.07 trên là của mình và có cho một người bạn tên Đinh Văn Th1 mượn để làm phương tiện đi lại. Lúc này, NLQ2 biết người bán chiếc xe biển số 76M1-240.07 cho mình không phải là Đinh Văn Th2 nên gọi điện yêu cầu Th1 quay lại để nói chuyện; đến khoảng 14 giờ 00 phút cùng ngày, Th1 quay lại cửa hàng bán giày dép Đ, lúc này Th2 đã báo Công an huyện S đến làm việc.

Số tiền Đinh Văn Th1 lừa đảo chiếm đoạt xe mô tô của Đinh Văn Th2, Đinh Văn Tr và Đinh Văn Nh trong ngày 25/02/2023 là 34.000.000đồng, Th1 đã sử dụng vào mục đích trả nợ cho người tên S bằng hình thức chuyển tiền vào các số tài khoản khác nhau do S cung cấp cho Th1 gồm: Tài khoản số 11254747 do Nguyễn Thư Nh (sinh năm 1990, trú tại số 65, phố Ng, thị trấn Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh - chủ tài khoản); tài khoản số 223163789 do Lê Hoàng S (sinh năm 1991, trú tại Khu 1B, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình - chủ tài khoản); tài khoản số 11341947 do Trương Mỹ Th (sinh năm 1977, trú tại số 98, tiểu khu 14, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La - chủ tài khoản); tài khoản số 23376087 do Trần Thị H (sinh năm 1988, trú tại xóm N, xã Đ, thành phố H, tỉnh Hòa Bình - chủ tài khoản) (các tài khoản trên đều mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) Á Châu). Tuy nhiên, qua kết quả xác minh, tra cứu thông tin dữ liệu điện tử quốc gia về dân cư được biết tất cả các thông tin trên là không có thật, đối tượng cho vay tiền (tên S) đã sử dụng các tài khoản có thông tin giả để giao dịch trong việc vay mượn tiền.

Tại Kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐĐG ngày 28/02/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện S kết luận tại thời điểm tháng 02/2023 xe mô tô biển kiểm soát 76M1-240.07, nhãn hiệu Yamaha, loại Exiter có trị giá 35.000.000đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 04/KL-HĐĐG ngày 06/03/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện S kết luận tại thời điểm tháng 02/2023 01

xe mô tô biển kiểm soát 76M1-172.96, nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius có trị giá 15.000.000đồng và 01 xe mô tô biển kiểm soát 76M1-268.94, nhãn hiệu Honda loại Wave có trị giá 17.000.000đồng.

Tổng trị giá của 03 chiếc xe mô tô mà Đinh Văn Th1 đã chiếm đoạt của Đinh Văn Th2, Đinh Văn Nh và Đinh Văn Tr là 67.000.000 đồng (*Sáu mươi bảy triệu đồng*).

Bản cáo trạng số: 11/CT-VKS-SH ngày 17/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện S truy tố bị cáo Đinh Văn Th1 về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Đinh Văn Th1 đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình đúng như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Viện Kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Đinh Văn Th1 về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo: Đinh Văn Th1 từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù. Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Đinh Văn Th1.

Về phần dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, Điều 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự, tuyên buộc bị cáo Đinh Văn Th1 bồi thường cho NLQ2 số tiền 27.000.000đồng. Tại phiên tòa, NLQ3 thấy hoàn cảnh bị cáo Th1 khó khăn nên không yêu cầu bị cáo Th1 bồi thường số tiền 7.000.000đồng cho NLQ3, nên Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến tự nguyện của NLQ3.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên tịch thu bán sung vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu: Samsung Galaxy A11, số kiểu máy: SM-A115F/DS, số seri: R9JN614529J, số IMEI 1: 356347115374469, số IMEI 2: 356348115374467, màu sơn: Đen và 01 thẻ Sim điện thoại 4G Viettel có số seri: 8984048000045603577, số thuê bao: 0867.442.490, vì đây là phương tiện bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội.

Người bào chữa cho bị cáo hoàn toàn nhất trí với bản Cáo trạng, Luận tội của Viện Kiểm sát về tội danh và tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự; bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế khó khăn; gia đình bị cáo rất khó khăn, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo nhận thức pháp luật còn hạn chế, vì vậy đề nghị cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Từ những tình tiết viện dẫn đã nêu, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù; đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo và áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội miễn toàn bộ án phí cho bị cáo.

Bị cáo thống nhất với ý kiến của người bào chữa.

Ông Đinh Văn Nh đề nghị Hội đồng xét xử xử lý bị cáo Đinh Văn Th1 đúng theo quy định của pháp luật, về phần dân sự không yêu cầu gì.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án: NLQ2 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bị cáo Th1 bồi thường số tiền 27.000.000đồng cho NLQ2. NLQ3 nhận thấy hoàn cảnh bị cáo Th1 rất khó khăn nên tại phiên tòa rút yêu cầu đối với bị cáo Th1 về việc bồi thường số tiền 7.000.000đồng và không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét.

Lời nói sau cùng, bị cáo Thi thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện S, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện S, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của bị cáo Đinh Văn Th1: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định: ngày 25/02/2023, Đinh Văn Th1 đã dùng thủ đoạn gian dối để lừa đảo chiếm đoạt 01 xe mô tô biển kiểm soát 76M1-240.07 của Đinh Văn Th2, 01 xe mô tô biển kiểm soát 76M1-172.96 của Đinh Văn Tr và 01 xe mô tô biển kiểm soát 76M1-268.94 của Đinh Văn Nh với tổng trị giá là 67.000.000đồng. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 như Viện Kiểm sát nhân dân huyện S truy tố bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an ở địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo biết rõ việc đưa ra thông tin gian dối không đúng sự thật nhằm chiếm đoạt tài sản của những người bị hại với mục đích trả nợ cá nhân là vi phạm pháp luật. Hành vi của bị cáo Th1 thực hiện với lỗi cố ý, bản thân bị cáo từng tham gia nghĩa vụ quân sự, hơn nữa bị cáo còn là một đảng viên, thì việc rèn luyện tu dưỡng đạo đức, gương mẫu trong việc chấp hành pháp luật càng phải được nâng cao, nhưng bị cáo xem thường pháp luật, lười lao động nên vẫn bất chấp thực

hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác, do đó cần phải xử phạt nghiêm đối với bị cáo để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, năm 2018 tham gia nghĩa vụ quân sự và năm 2019 được kết nạp vào Đảng, là người đồng bào dân tộc thiểu số sống vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Căn cứ vào hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo, cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Ngoài những lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn huyện Sơn Hà, Đinh Văn Th1 còn thực hiện 05 (năm) vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản và 01 (một) vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Tuy nhiên, những hành vi phạm tội của Đinh Văn Th1 tại huyện S, khi nào Tòa án nhân dân huyện S xét xử và bản án có hiệu lực pháp luật thì Tòa án nhân dân huyện S sẽ có văn bản đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tổng hợp hình phạt đối với Đinh Văn Th1 theo quy định tại Điều 56 Bộ Luật hình sự 2015.

Đối với NLQ2 đã mua chiếc xe mô tô biển kiểm soát 76M1-240.07 với số tiền 20.000.000đồng và chiếc xe mô tô biển kiểm soát 76M1-172.96 với số tiền 7.000.000đồng; NLQ3 đã mua chiếc xe mô tô biển kiểm soát 76M1-268.94 với số tiền 7.000.000 đồng của bị cáo Đinh Văn Th1. Qua kết quả điều tra xác định, quá trình mua bán xe với Th1, NLQ2 và NLQ3 không biết đó là tài sản do bị cáo Th1 phạm tội mà có. Vì vậy, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S không xem xét trách nhiệm hình sự đối với NLQ2 và NLQ3 về tội “ Chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại Điều 323 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ.

Đối với người đàn ông tên S (là người đã cho bị cáo Đinh Văn Th1 vay tiền), qua kết quả điều tra do không xác định được nhân thân lai lịch, địa chỉ cụ thể nên không làm rõ được hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự được quy định tại Điều 201 Bộ luật Hình sự. Do vậy, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Sơn Hà không có căn cứ để xem xét xử lý đối với hành vi trên; sẽ tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ sau, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ.

Đối với tài khoản số 11254747 do Nguyễn Thu Nh (sinh năm 1990, trú tại số 65, phố Ng, thị trấn Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh - chủ tài khoản); tài khoản số 223163789 do Lê Hoàng S (sinh năm 1991, trú tại Khu 1B, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình -

chủ tài khoản); tài khoản số 11341947 do Trương Mỹ Th (sinh năm 1977, trú tại số 98, tiểu khu 14, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La - chủ tài khoản); tài khoản số 23376087 do Trần Thị H (sinh năm 1988, trú tại xóm N, xã Đ, thành phố H, tỉnh Hòa Bình - chủ tài khoản) mà bị cáo Đinh Văn Th1 chuyển số tiền 34.000.000 đồng do phạm tội mà có. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S đã có văn bản yêu cầu Công an địa phương trên tiến hành xác minh nhân thân lai lịch, địa chỉ cụ thể của các chủ tài khoản trên. Tuy nhiên, qua kết quả xác minh được biết tất cả các thông tin trên là không có thật, đối tượng tên S đã sử dụng các tài khoản có thông tin giả để giao dịch trong việc cho vay tiền, nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S không có căn cứ để xem xét, xử lý, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ.

[6] Theo khoản 5 điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 thì bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền; tuy nhiên, xét thấy bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo không có khả năng thi hành nên Hội đồng xét xử miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, người bào chữa cho bị cáo tại phiên là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Trong quá trình điều tra, các bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản bị mất và không còn yêu cầu gì về phần dân sự, Hội đồng xét xử không giải quyết.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, NLQ2 yêu cầu bị cáo Đinh Văn Th1 bồi thường số tiền 27.000.000đồng, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ nên chấp nhận.

Tại phiên tòa, NLQ3 xét thấy hoàn cảnh Đinh Văn Th1 khó khăn nên rút và không yêu cầu bị cáo Đinh Văn Th1 bồi thường số tiền 7.000.000đồng cho NLQ3, Hội đồng xét xử không giải quyết.

[9] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu: Samsung Galaxy A11, số kiểu máy: SM-A115F/DS, số seri: R9JN614529J, số IMEI 1: 356347115374469, số IMEI 2: 356348115374467, màu sơn: Đen và 01 thẻ Sim điện thoại 4G Viettel có số seri: 8984048000045603577, số thuê bao: 0867.442.490, đây là phương tiện bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên Hội đồng xét xử cần tuyên tịch thu bán sung vào Ngân sách Nhà nước.

[10] Về án phí: Bị cáo Đinh Văn Th1 là người đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn tiền án phí theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 47; Điều 48 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào các Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015;
Căn cứ vào khoản 2 Điều 106, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự;
Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Tuyên bố bị cáo Đinh Văn Th1 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Đinh Văn Th1 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/02/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Đinh Văn Th1 bồi thường số tiền 27.000.000đồng cho NLQ2.

3. Về xử lý vật chứng: Tuyên tịch thu bán sung vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu: Samsung Galaxy A11, số kiểu máy: SM-A115F/DS, số sêri: R9JN614529J, số IMEI 1: 356347115374469, số IMEI 2: 356348115374467, màu sơn: đen và 01 thẻ Sim điện thoại 4G Viettel có số seri: 8984048000045603577, số thuê bao: 0867.442.490 (Phản ảnh tại biên bản giao, nhận vật chứng ngày 28/8/2023 giữa Công an huyện S và Chi cục Thi hành án dân sự huyện S).

4. Về án phí: Miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Đinh Văn Th1.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Công an huyện S;
- Cơ quan THAHS – Công an huyện S;
- VKSND huyện S; VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- THADS huyện S;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Bị cáo; người bào chữa; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;

(Đã ký)

Trần Mến

- Lưu hồ sơ vụ án + Ấn văn.

